

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giao kế hoạch kinh phí nguồn sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án Quy hoạch năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về: “Lập, phê duyệt và quản lý Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội”; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc: “Điều chỉnh bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ”; Thông tư số 24/2008/TT-BTC ngày 14/3/2008 của Bộ Tài chính về việc: “Hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ dự án quy hoạch”;

Căn cứ Nghị quyết số 147/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, kỳ họp thứ 15 về: “Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016”; ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại Công văn số 739/CV-HĐND ngày 15/11/2016 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phân bổ chi tiết vốn nguồn sự nghiệp kinh phí thực hiện các dự án quy hoạch năm 2016”;

Căn cứ Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về: “Giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 tỉnh Thanh Hóa”; Quyết định số 4064/KH-UBND ngày 13/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phê duyệt kế hoạch lập quy hoạch giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; Quyết định số 5636/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Ban hành Chương trình công tác năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa”;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa để các ngành, các đơn vị có liên quan và các chủ dự án thực hiện; với các nội dung chính sau:

1. Nguyên tắc bố trí vốn:

1.1. Đối với các dự án đã phê duyệt quyết toán: Bố trí đủ 100% kinh phí còn thiếu theo quyết định phê duyệt.

1.2. Đối với các dự án mới và chuyển tiếp:

a) Những dự án do các ngành làm chủ đầu tư:

- Bố trí vốn không quá 80,0% nhu cầu vốn của dự án có đủ điều kiện giao vốn; ưu tiên vốn cho các dự án chuyển tiếp.

- Số vốn còn lại bố trí tiếp khi có quyết toán.

b) Những dự án do các huyện làm chủ đầu tư: Bố trí vốn theo khả năng ngân sách và tiến độ thực hiện nhưng không quá 80,0% nhu cầu vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ, số còn lại bố trí tiếp khi có quyết toán được duyệt.

1.3. Đối với các dự án còn lại sau khi các chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện và hoàn chỉnh thủ tục theo quy định: Giao Sở Tài chính tổng hợp, kiểm tra và trình Chủ tịch UBND tỉnh giao kế hoạch vốn để thực hiện.

2. Giao kế hoạch vốn đợt này:

2.1. Số lượng dự án: 14 dự án (Mười bốn dự án).

Bao gồm:

a) Các dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư: 11 dự án.

b) Các dự án do các huyện làm chủ đầu tư: 03 dự án.

2.2. Vốn phân bổ giao kế hoạch đợt này: 9.777.154.000,0 đồng (Chín tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn đồng)

Trong đó:

a) Các dự án đã phê duyệt quyết toán: 1.737.154.000,0 đồng.

Bao gồm:

- Bố trí cho các dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư: 1.122.009.000,0 đồng.

- Bố trí cho các dự án do các huyện làm chủ đầu tư: 615.145.000,0 đồng.

b) Các dự án chuyển tiếp (02 dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư): 1.800.000.000,0 đồng.

c) Các dự án mới (05 dự án): 6.240.000.000,0 đồng.

3. Tổ chức thực hiện:

3.1. Đối với các dự án do các ngành cấp tỉnh làm chủ đầu tư: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung dự toán cho các ngành.

3.2. Đối với các dự án do các huyện làm chủ đầu tư: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung có mục tiêu cho các huyện.

Điều 2.

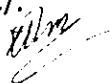
1. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước Thanh Hóa; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các ngành, các đơn vị có liên quan và các chủ đầu tư căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các chủ đầu tư căn cứ vào mức vốn và mục tiêu đầu tư được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và các Quyết định có liên quan của cấp có thẩm quyền;

Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích và thanh quyết toán theo đúng chế độ hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

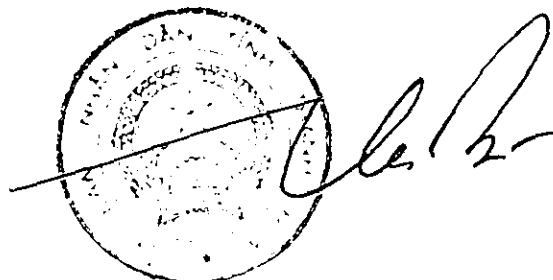
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Thủ trưởng các ngành, các huyện, các đơn vị có liên quan và các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.



Nơi nhận:

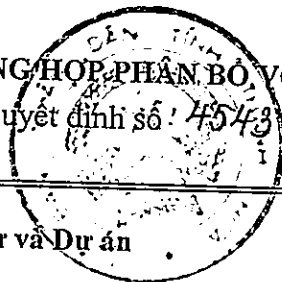
- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC Thn2016230 (20).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Xứng

Phụ biểu:
TỔNG HỢP PHÂN BỐ VỐN DÀNH CHO CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH ĐỢT II NĂM 2016
 (Kèm theo Quyết định số: 4548/QĐ/UBND ngày 23/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)



Đơn vị tính: đồng

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Phân bổ lần này	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	
	TỔNG CỘNG:	33.696.174.000		33.696.174.000	11.430.581.000	9.777.154.000	
A	CÁC DA ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN	7.167.735.000		7.167.735.000	5.430.581.000	1.737.154.000	
I	Dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư	3.742.009.000		3.742.009.000	2.620.000.000	1.122.009.000	
1	Sở Công thương	2.051.790.000		2.051.790.000	1.420.000.000	631.790.000	
-	Kinh phí điều chỉnh, bổ sung QH phát triển điện lực Thanh Hóa giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020	160.118.000	2070/QĐ-UB ngày 16/6/2016	160.118.000		160.118.000	
-	Kinh phí lập quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	1.025.594.000	2191/QĐ-UB ngày 23/6/2016	1.025.594.000	800.000.000	225.594.000	
-	Kinh phí thực hiện QH phát triển mạng lưới kinh doanh xăng dầu và khí mỏ hóa lỏng tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	597.968.000	2854/QĐ-UB ngày 01/8/2016	597.968.000	420.000.000	177.968.000	
-	Kinh phí lập Quy hoạch điều chỉnh phát triển hệ thống chợ tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	268.110.000	2871/QĐ-UB ngày 02/8/2016	268.110.000	200.000.000	68.110.000	
2	Chi cục Đê điều và PCLB	1.690.219.000		1.690.219.000	1.200.000.000	490.219.000	
-	KP lập dự án quy hoạch các mô đất làm vật liệu đắp đê tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	1.690.219.000	2274/QĐ-UB ngày 29/6/2016	1.690.219.000	1.200.000.000	490.219.000	
II	Các dự án do các huyện làm chủ đầu tư	3.425.726.000		3.425.726.000	2.810.581.000	615.145.000	
1	UBND thị xã Bim Sơn	1.557.222.000		1.557.222.000	1.310.581.000	246.641.000	
-	Điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Bim Sơn giai đoạn 2011-2030, tầm nhìn sau năm 2030 (Quyết toán DA hoàn thành)	1.557.222.000	2533/QĐ-UB ngày 13/7/2016	1.557.222.000	1.310.581.000	246.641.000	
2	UBND huyện Bá Thước	1.868.504.000		1.868.504.000	1.500.000.000	368.504.000	

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Phân bổ lần này	Ghi chú
	Kinh phí khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch Sơn - Bá - Mười, xã Lũng Cao, huyện Bắc Thước	1.868.504.000	2829/QĐ-UB ngày 29/7/2016	1.868.504.000	1.500.000.000	368.504.000	
B	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP	11.951.172.000		11.951.172.000	6.000.000.000	1.800.000.000	
I	Dự án do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư	11.951.172.000		11.951.172.000	6.000.000.000	1.800.000.000	
1	Sở Xây dựng	4.827.172.000		4.827.172.000	3.000.000.000	800.000.000	
-	QH khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	4.827.172.000	360/QĐ-UBND ngày 28/01/2016	4.827.172.000	3.000.000.000	800.000.000	
2	Sở Công thương	7.124.000.000		7.124.000.000	3.000.000.000	#####	
-	Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035	7.124.000.000	2910/QĐ-UBND ngày 6/8/2015	7.124.000.000	3.000.000.000	1.000.000.000	
II	Các dự án do các huyện làm chủ đầu tư						
C	CÁC DỰ ÁN MỚI	14.577.267.000		14.577.267.000	0	6.240.000.000	
I	ĐA do các đơn vị dự toán cấp tỉnh làm chủ đầu tư	13.663.576.000		13.663.576.000		5.550.000.000	
1	Sở Xây dựng	9.952.553.000		9.952.553.000		3.500.000.000	
-	Kinh phí lập, điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	9.952.553.000	3983/QĐ-UBND ngày 13/10/2016	9.952.553.000		3.500.000.000	
2	Ban Quản lý Khu Kinh tế Nghi Sơn	2.102.108.000		2.102.108.000	0	1.000.000.000	
	Lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu Công nghiệp Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa	2.102.108.000	2199/QĐ-UBND ngày 24/6/2016	2.102.108.000		1.000.000.000	
3	Sở Công thương	1.608.915.000	0	1.608.915.000		1.050.000.000	
-	Kinh phí lập Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	917.925.000	1677/QĐ-UBND ngày 17/5/2016	917.925.000		600.000.000	

TT	Danh mục Chủ đầu tư và Dự án	Dự toán, quyết toán được duyệt	Số QĐ phê duyệt	Nhu cầu vốn ngân sách tỉnh	Tổng số vốn NS tỉnh đã giao	Phân bổ lần này	Ghi chú
-	Kinh phí lập Quy hoạch phát triển dệt may, da giày tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	690.990.000	1701/QĐ-UBND ngày 18/5/2016	690.990.000		450.000.000	
II	Các dự án do các huyện làm chủ đầu tư	913.691.000		913.691.000	0	690.000.000	
1	UBND huyện Ngọc Lặc	913.691.000		913.691.000		690.000.000	
-	Kinh phí lập chương trình phát triển đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chuẩn đô thị Loại IV và trở thành thị xã trước năm 2020	913.691.000	2786/QĐ-UBND ngày 30/7/2015	913.691.000		690.000.000	